

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021; Thông báo không xét xử vụ án số 101/2021/TB-TA ngày 20/7/2021; Thông báo tiếp tục xét xử số 17/2021/TB-TA ngày 31/8/2021; Thông báo dời phiên tòa số 116/2021/TB-TA ngày 16/9/2021; Thông báo dời ngày xét xử số 30/2021/TB-TA ngày 28/9/2021; Thông báo dời ngày xét xử số 46/2021/TB-TA ngày 19/10/2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tiểu đoàn bộ binh 6, ấp K, xã L, Huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp S, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2020 (BL01), cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày: Vào năm 2009, anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị Cẩm T1 có tổ chức lễ cưới với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã VC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2012. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu và vợ chồng đã có 02 (Hai) con chung là cháu Huỳnh Lê Gia H (Nam), sinh ngày 19/3/2013 và cháu Huỳnh Lê Gia B (Nam), sinh ngày 02/4/2017. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có.

Do bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Lê Gia H, Huỳnh Lê Gia B đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T1, nhưng chị T1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh T, đồng thời chị T1 cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung giao con chung là Huỳnh Lê Gia H (Nam), sinh ngày 19/3/2013 và cháu Huỳnh Lê Gia B (Nam), sinh ngày 02/4/2017 cho anh T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Huỳnh Lê Gia H nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu H có nguyện vọng sống với cha. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung đương sự tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị T1, nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T nhận thấy hôn nhân của anh T và chị T1 là tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 đến năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/3/2012. Quan hệ hôn nhân của anh T và chị T1 không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị T1 nên có nguyện vọng ly hôn. Anh T và chị T1 đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê Gia H (Nam), sinh ngày 19/3/2013 và cháu Huỳnh Lê Gia B (Nam), sinh ngày 02/4/2017 hiện các cháu đang do ông bà ngoại nuôi dưỡng, do chị T1 đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Văn K là cha ruột của chị T1 và là ông ngoại của cháu H, cháu B có trình bày là cũng đồng ý giao hai cháu H, B cho anh T nuôi dưỡng (BL 28). Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung và cũng theo nguyện vọng của cháu H nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu H có nguyện vọng được sống với cha. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu H, B không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh T. Xét thấy, anh T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn T đối với bị đơn chị Lê Thị Cẩm T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T1.

- Về con chung: Giao con chung Huỳnh Lê Gia H (Nam), sinh ngày 19/3/2013 và Huỳnh Lê Gia B (Nam), sinh ngày 02/4/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, B đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Cẩm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị T1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Lê Gia H, Huỳnh Lê Gia B của anh T, thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh T khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006502, ngày 04/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh T đã

thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Chị Lê Thị Cẩm T1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng